

Bản án số: 103/2019/KDTM-PT

Ngày: 29/01/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Trinh**

Các Thẩm phán: **Ông Ngô Văn Dũng**

Bà Hà Thanh Thủy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thanh Phượng** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Tôn Mạnh Hùng** – Kiểm sát viên

Trong các ngày 03/01/2019, 22/01/2019 và ngày 29/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2018/KDTM-PT ngày 22/10/2018 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh sơ thẩm số 50/2018/KDTM-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6057/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH V KN

Địa chỉ: Khu phố CL, phường TDH, thị xã D, tỉnh BD

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Việt Y – Sinh năm 1982 (Giấy ủy quyền ngày 02/01/2019)

Địa chỉ: Đường N, phường T, quận TP, Thành phố H

Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại G.

Địa chỉ: đường G, Khu phố T, phường BA, quận BT, Thành phố H

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Vinh Q – Sinh năm 1967 (Giấy ủy quyền số 01/2018/GUQ ngày 10/9/2018)

Địa chỉ: Đường ML, phường B, quận BT, Thành phố H

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Châu Thanh V (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đường T, Khu phố S, phường LD, quận TD, TP.H

3. Người kháng cáo: Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì sự việc được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn – Công ty TNHH V KN có ông Tô Việt Y là đại diện theo ủy quyền trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải: Ngày 09/01/2013 giữa Công ty TNHH V KN (viết tắt là Công ty V KN) và Công ty TNHH đầu tư sản xuất thương mại G (viết tắt là Công ty G) có ký hợp đồng kinh tế số HĐKT/VKN-GA/0901/2013. Theo hợp đồng thì Công ty V KN bán hàng cho Công ty G các sản phẩm hóa chất dùng cho ngành công nghiệp dệt nhuộm. Công ty G đặt hàng qua từng đơn hàng theo bảng giá đã thống nhất giữa các bên (giá chưa bao gồm 10% thuế GTGT) và Công ty G sẽ thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận hàng. Đến cuối năm 2015 thì Công ty G ngưng không đặt hàng từ công ty V KN. Ngày 20/05/2016, giữa Công ty G và Công ty V KN ký Bảng chi tiết công nợ các đơn hàng là 2.489.640.000 đồng. Theo quy định trong hợp đồng thì hạn thanh toán là 90 ngày kể từ ngày nhận hàng, đến ngày 20/05/2016 quá hạn thanh toán nên đã chuyển các số tiền còn thiếu sang công nợ. Ngày 24/08/2016, đại diện theo pháp luật của Công ty G là ông Nguyễn Văn Thiện họp bàn với đại diện theo pháp luật của Công ty V KN là bà Nguyễn Thị Thế Loan để cùng nhau giải quyết công nợ tồn đọng. Trong cuộc họp, Công ty G thừa nhận số nợ tồn đọng và đề nghị Công ty V KN xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty G rồi Công ty G sẽ thanh toán thành 2-3 đợt trong vòng 2-3 tháng (mỗi đợt trả khoảng 500-700 triệu đồng). Ngày 31/8/2016, Công ty V KN đến Công ty G gửi hóa đơn giá trị gia tăng theo thỏa thuận trong cuộc họp ngày 24/08/2016. Tuy nhiên, Công ty G – do bà Trần Thị Diệu Hương – phó giám đốc đại diện từ chối nhận hóa đơn và không thanh toán. Nguyên đơn không chấp nhận biên bản xác nhận thiệt hại ngày 10/7/2015 có chữ ký của ông Châu Thanh V vì biên bản được lập vào ngày 10/7/2015 nhưng đến ngày 31/8/2016 công ty G mới giao bản chính cho nguyên đơn. Biên bản thỏa thuận này lập tại công ty G nhưng không có đại diện của bên công ty G ký xác nhận. Biên bản không đúng thỏa thuận về việc xử lý thiệt hại như trong hợp đồng kinh tế. Theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận hàng nếu phát hiện hàng lỗi thì phải báo cho bên bán, tuy nhiên nguyên đơn không nhận được bất kỳ thông báo nào từ phía bị đơn về việc có hàng lỗi. Thời điểm ông Vân xác nhận thiệt hại cũng quá 30 ngày theo như thỏa thuận của hợp đồng kinh tế và con dấu xác nhận trong biên bản này không phải của công ty V KN và đã được Phân viện khoa học hình sự - Bộ công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận không phải con dấu của công ty V KN. Vì vậy, nguyên đơn không chấp nhận trừ tiền hàng lỗi cho bị đơn và yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ mua hàng 2.489.640.000 đồng và tiền lãi quá hạn tạm tính đến tháng 05/2018 là 672.202.800 đồng. Yêu cầu trả 1 lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bị đơn Công ty công ty TNHH đầu tư sản xuất thương mại G – có ông Trương Vinh Q là đại diện theo ủy quyền trình bày tại bản tự khai và các biên bản hòa giải: Ngày 09/01/2013 Công ty V KN và Công ty G có ký hợp đồng kinh tế số HĐKT/VKN-GA/0901/2013. Theo hợp đồng Công ty TNHH V KN bán cho Công ty TNHH đầu tư sản xuất thương mại G các sản phẩm hóa chất dùng cho ngành công nghiệp dệt nhuộm. Chi tiết cụ thể trong phụ lục Hợp đồng kèm theo từng đơn hàng. Tuy nhiên, năm 2015 có xảy ra 2 sự cố là: Lần 1 vào ngày 03/04/2015, Công ty G có sử dụng loại hồ Silicon KNV do công ty V KN cung cấp thì chất lượng không bảo đảm nên có 2 lô hàng nhuộm cho khách bị tủa dính trên vải. Lần 2 vào ngày 12/04/2015, Công ty G có sử dụng chất kháng bọt KNV DFM do Công ty V KN cung cấp do chất lượng không bảo đảm nên có 2 lô hàng nhuộm cho khách bị dính chấm (đốm keo). Cả hai sự cố này Công ty G đều thông báo cho công ty V KN biết đến xem, đồng ý xác nhận và hàng hóa bị lỗi trong hai sự cố này công ty G đều thực hiện gia công cho Công ty EAGLETEX Co.LTD theo hợp đồng gia công số 01/HĐGC/2012/EG-GA giao kết ngày 14/02/2012. Ngày 20/5/2016 Công ty G có bà Trần Thị Diệu Hương là phó giám đốc đại diện công ty ký biên bản xác nhận công nợ số tiền 2.489.640.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 10/07/2015, sau khi công ty G xác định được thiệt hại – tức đã thống nhất bồi thường một phần hàng lỗi công ty EAGLETEX Co.LTD với số tiền là 60.000 USD thì công ty G và công ty V KN đã lập biên bản xác nhận thiệt hại mà Công ty G phải bồi thường cho khách hàng là 1.236.850.000 đồng. Vì vậy, bị đơn chỉ đồng ý trả tiền còn lại sau khi trừ đi số tiền hàng lỗi mà ông Châu Thanh V đại diện nguyên đơn đã ký, còn lại là: $2.489.640.000 - 1.236.850.000 = 1.252.790.000$ đồng. Biên bản xác nhận thiệt hại này do ông Châu Thanh V trực tiếp ký và ghi rõ họ tên, nhưng do không mang theo con dấu nên chưa đóng dấu vào biên bản này. Đến ngày 31/08/2016, bà Nguyễn Thị Thế Loan là giám đốc công ty V KN đến công ty G mượn lại biên bản xác nhận thiệt hại với lý do là mang về để xem lại phần thiệt hại nên bà Trần Thị Diệu Hương phó giám đốc công ty G đã giao bản chính cho bà Loan. Tại thời điểm này biên bản xác nhận thiệt hại chưa có đóng dấu chỉ có ký tên của ông Vân. Trước khi khởi kiện phía bị đơn mới biết trong biên bản thỏa thuận này phần bên B (phần có chữ ký của ông Vân) đã được đóng dấu và việc ai đóng dấu bên bị đơn hoàn toàn không biết. Bị đơn không có lỗi trong việc gây chậm thanh toán cho nguyên đơn vì hai bên chưa xác định chính xác công nợ phải thanh toán. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn viện dẫn Điều 6 hợp đồng là “trong vòng 30 ngày tính từ ngày nhận hàng công ty G phải thông báo và mời Trung tâm 3 giám định” để không chấp nhận bồi thường thiệt hại cho công ty G là không đúng. Bởi lẽ, trong thời gian này chúng tôi đã kịp thời báo cho ông Châu Thanh V là giám đốc đương nhiệm của công ty V KN, ông Vân nhận thông báo của chúng tôi và đồng ý thiệt hại mà chúng tôi nêu ra cho nên hai bên không mời Trung tâm 3 tiến hành giám định. Tổng số tiền hàng hóa mà hai bên đã mua bán là 2.489.640.000 đồng, trong tổng số tiền này bị đơn đã từng đề nghị được trả cho nguyên đơn số tiền là 1.800.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý nên bị đơn sẽ không trả chỉ khi xác định được thiệt hại xong thì mới đồng ý trả tiền cho nguyên đơn. Căn cứ, để xác định thiệt hại là biên bản khấu trừ hàng hư ký ngày 01/6/2015 tại văn phòng Công ty G ký giữa công ty G với công ty EAGLETEX Co. LTD (có trụ sở tại TaiWan R.O.C). Và căn cứ vào

biên bản xác nhận thiệt hại của ông Châu Thanh V ngày 10/7/2015. Do đó bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn phải trừ số tiền hàng lỗi là 1.236.850.000 đồng vào số tiền mà bị đơn còn nợ mua hàng của nguyên đơn. Và đề nghị Tòa án đưa những người sau đây vào tham gia tố tụng trong vụ án là ông Châu Thanh V và Công ty EAGLETEX Co.LTD có trụ sở ở Đà Loan.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Châu Thanh V trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất: Từ năm 2005 đến năm 2013 ông làm giám đốc đại diện cho Công ty TNHH V KN. Trong thời gian làm đại diện theo pháp luật cho công ty ông có đại diện ký một số hợp đồng kinh tế. Cụ thể, ngày 09/01/2013 Công ty TNHH V KN có ký hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Thương Mại G để bán hàng hóa chất cho ngành công nghiệp dệt vải cho công ty G. Quá trình thực hiện hợp đồng thuận lợi đến đầu năm 2015 thì công ty G ngưng không đặt hàng nữa. Hai bên tiến hành chốt công nợ, tuy nhiên phía G không đồng ý chốt công nợ vì họ cho rằng có một đợt hàng có lỗi. Nhưng đến ngày 10/7/2015 công ty G mới thông báo có hàng lỗi cho phía công ty V KN biết tức là khoảng hơn 60 ngày sau khi V KN giao hàng. Lúc đó ông đi Củ Chi về có ghé qua Công ty G và ký biên bản xác nhận thiệt hại do công ty họ đưa ra chứ bản thân ông không biết được bao nhiêu kg vải để xác nhận thiệt hại cho bên khách hàng của Công ty G, tự công ty G đưa ra chứ bản thân ông không xác định được thiệt hại. Sau khi ký xong thì phía G giữ lại các giấy tờ ông đã ký và vì ký bên ngoài công ty nên ông không có mang theo con dấu và ai đã đóng dấu thì ông không biết. Sự việc đã xảy ra quá lâu nên ông không nhớ đã ký nội dung gì. Chữ ký trong biên bản xác nhận thiệt hại ngày 10/7/2015 là của ông. Hiện nay ông không còn làm đại diện theo pháp luật cho công ty V KN nữa mọi việc đã bàn giao cho công ty nên việc tranh chấp giữa các bên ông không có liên quan và không có yêu cầu hay ý kiến gì.

Tại bản án số 50/2018/KDTM-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty TNHH V KN về việc yêu cầu Công ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Thương mại G phải thanh toán số tiền mua bán hàng hóa còn thiếu là 2.489.640.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 764.630.685 đồng, xuất phát từ hợp đồng kinh tế số HĐKT/VKN-GA/0901/2013 ngày 09/01/2013.

2/Buộc Công ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Thương mại G phải trả cho Công ty TNHH V KN số tiền là 3.254.270.685 đồng, bao gồm: 2.489.640.000 đồng tiền mua bán hàng hóa còn thiếu và tiền lãi phát sinh là 764.630.685 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn - Công ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Thương mại G về việc yêu cầu được trừ số tiền bồi thường thiệt hại là 1.236.850.000 (một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng vào số tiền mua hàng còn thiếu của nguyên đơn.

4/Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án; nếu người phải thi hành án chậm thực hiện hoặc thực hiện không

đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng, người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/9/2018, bị đơn Công ty TNHH Đầu tư-Sản xuất-Thương mại G kháng cáo toàn bộ nội dung bản án số 50/2018/KDTM-ST ngày 29/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

Ông Trương Vinh Q- đại diện bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với các lý do, như sau:

- Hàng hóa Công ty V KN giao cho Công ty G có lỗi. Công ty G đã thông báo cho ông Châu Thanh V-Đại diện theo pháp luật của Công ty V KN tại thời điểm đó. Ông Vân đã thống nhất với thiệt hại là do sản phẩm lỗi của Công ty V KN nên các bên không mời 3 Công ty Giám định. Thiệt hại mà Công ty G phải chịu là 1.236.850.000 đồng, vì vậy Công ty G chỉ đồng ý thanh toán cho Công ty V KN số tiền 2.489.640.000 đồng – 1.236.850.000 đồng = 1.252.790.000 đồng.

- Về lãi suất: Bị đơn cho rằng có sự sai sót trong việc tính lãi suất của cấp sơ thẩm nên đề nghị xem xét lại.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn : Bị đơn không có lỗi trong việc chậm thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn vì khi hàng có lỗi, bị đơn đã thông báo cho ông Châu Thanh V là người đại diện theo pháp luật của Công ty V KN biết. Và tại Biên bản xác nhận thiệt hại ngày 10/07/2015, ông Châu Thanh V đã nhận thông báo và đồng ý với thiệt hại mà bị đơn nêu ra là do lỗi của Công ty V KN. Vì vậy đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, cản trừ tiền thiệt hại của bị đơn là 1.236.850.000 đồng vào số tiền hàng phải thanh toán cho nguyên đơn.

Ông Tô Việt Y – đại diện nguyên đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn vì không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu – đề nghị:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng theo quy định pháp luật

Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ y án sơ thẩm vì bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho việc kháng cáo của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty TNHH V KN ủy quyền cho ông Tô Việt Y theo Giấy ủy quyền ngày 02/01/2019; Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại G ủy quyền cho ông Trương Vinh Q theo Giấy ủy quyền số 01/2018/GUQ ngày 10/9/2018 là phù hợp với Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Châu Thanh V có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18/6/2018, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Căn cứ Hợp đồng kinh tế số HĐKT/VKN-GA/0901/2013 ngày 09/01/2013 giữa Công ty TNHH V KN và Công ty TNHH đầu tư sản xuất thương mại G có nội dung: Công ty V KN bán hàng cho Công ty G các sản phẩm hóa chất dùng cho ngành công nghiệp dệt nhuộm. Công ty G đặt hàng qua từng đơn hàng theo bảng giá đã thống nhất giữa các bên (giá chưa bao gồm 10% thuế GTGT) và Công ty G sẽ thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận hàng. Cũng như sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn thì có cơ sở xác định giữa Công ty V KN và Công ty G có xác lập giao dịch mua bán hàng hóa.

[4] Xét thấy, cấp sơ thẩm căn cứ Bảng chi tiết công nợ ngày 20/5/2016 được ký giữa Công ty V KN và Công ty G, và sự xác nhận của đại diện Công ty G tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm là Công ty G còn nợ Công ty V KN tiền hàng chưa trả là 2.489.640.000 đồng, để buộc bị đơn phải thanh toán tiền hàng còn thiếu 2.489.640.000 đồng cho nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về yêu cầu kháng cáo của Công ty G yêu cầu tòa xem xét thiệt hại của Công ty G phải bồi thường cho bên thứ ba là Công ty EAGLETEX số tiền 1.236.850.000 đồng do Công ty V KN giao hàng không đảm bảo chất lượng.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn cho rằng trong quá trình nguyên đơn giao hàng cho bị đơn, năm 2015 có xảy ra 2 sự cố đối với các lô hàng số KVN DFM-02 và KNV ORN-02 dẫn đến hàng nhuộm cho khách bị hư. Cả hai sự cố này Công ty G đều thông báo cho công ty V KN biết. Cụ thể, Biên bản xác nhận thiệt hại ngày 10/07/2015 do ông Châu Thanh V trực tiếp ký và ghi rõ họ tên, nhưng do không mang theo con dấu nên chưa đóng dấu vào biên bản này, sau đó giao lại cho nguyên đơn nên việc ai đóng dấu bị đơn hoàn toàn không biết. Tuy nhiên tại biên bản có xác nhận việc Công ty G phải bồi thường cho khách hàng số tiền 1.236.850.000 đồng, vì vậy bị đơn đề nghị được căn trừ số tiền 1.236.850.000 đồng vào số tiền 2.489.640.000 đồng – 1.236.850.000 đồng = 1.252.790.000 đồng. Ngược lại, đại diện nguyên đơn cho rằng tại Biên bản xác nhận thiệt hại ngày 10/7/2015, con dấu được đóng tại biên bản đã được Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận không phải là mẫu dấu của Công ty TNHH V KN đã đăng ký mẫu dấu, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh thiệt hại của mình, vì vậy đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

[7] Hội đồng xét xử, xét thấy căn cứ tại Biên bản xác nhận thiệt hại ngày 10/7/2015, tuy con dấu không phải là mẫu dấu của Công ty TNHH V KN, nhưng

có chữ ký của ông Châu Thanh V là đại diện theo pháp luật của Công ty V KN tại thời điểm ký biên bản. Mặt khác, tại biên bản họp vào các ngày 24/8/2016 và 31/8/2016 giữa Công ty V KN và Công ty G, phía Công ty G đều trình bày ý kiến về việc Công ty V KN giao hàng bị lỗi dẫn đến giao hàng không đảm bảo chất lượng cho bên thứ ba, Công ty V KN đều biết và đồng ý chia sẻ một phần thiệt hại. Như vậy, có thể xác định, Công ty G có thông báo cho Công ty V KN biết về việc Công ty V KN giao hàng lỗi.

[8] Tại điều Điều 318 Luật Thương mại 2005 có quy định về thời hạn khiếu nại như sau:

“1. Ba tháng, kể từ ngày giao hàng đối với khiếu nại về số lượng hàng hoá;

2. Sáu tháng, kể từ ngày giao hàng đối với khiếu nại về chất lượng hàng hoá; trong trường hợp hàng hoá có bảo hành thì thời hạn khiếu nại là ba tháng, kể từ ngày hết thời hạn bảo hành;

3. Chín tháng, kể từ ngày bên vi phạm phải hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc trong trường hợp có bảo hành thì kể từ ngày hết thời hạn bảo hành đối với khiếu nại về các vi phạm khác.”

[9] Thời gian Công ty V KN giao hàng đối với các lô hàng bị lỗi là vào các ngày 03/4/2015 và 12/4/2015, đến ngày 10/7/2015 Công ty G thông báo hàng không đảm bảo chất lượng cho ông Châu Thanh V-Đại diện theo pháp luật của Công ty V KN là còn trong hạn khiếu nại về chất lượng hàng hóa theo Điều 318 Luật Thương mại 2005.

[10] Xét thấy, tại Điều 6 của hợp đồng kinh tế số HĐKT/VKN-GA/0901/2013 ngày 09/01/2013 có quy định: “Khi có khiếu nại liên quan đến chất lượng hàng hóa, hai bên nhất trí mời Trung tâm 3 làm giám định. Chứng thư phát hành từ Trung tâm 3 được xem là kết quả sau cùng để giải quyết khiếu nại”. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn đều không tiến hành việc mời Trung tâm 3 làm giám định. Hiện nay, theo trình bày của bị đơn mẫu hàng bị lỗi không còn nên không thể tiến hành giám định. Hội đồng xét xử, xét thấy việc không mời Trung tâm 3 giám định là lỗi của cả Công ty V KN và Công ty G, mặt khác tại Biên bản xác nhận thiệt hại ngày 10/7/2015 có nội dung: “...Do sản phẩm của Công ty G bị hư hỏng vì sử dụng hóa chất của Công ty V KN cung cấp nên Công ty G phải bồi thường cho khách hàng số tiền 1.236.850.000 đồng...Công ty G sẽ chịu một phần nhỏ thiệt hại để thể hiện thiện chí hợp tác của Công ty G. Phần còn lại Công ty G đề nghị Công ty V KN phải hỗ trợ để giảm bớt thiệt hại cho Công ty G. Hai bên thống nhất nội dung về việc xác nhận thiệt hại và đề nghị bồi thường nêu trên...”. Như vậy, do lỗi của Công ty G và Công ty V KN trong việc không mời Trung Tâm 3 giám định nên phần thiệt hại mỗi bên phải chịu một nửa, Công ty G chịu 618.425.000 đồng, Công ty V KN chịu 618.425.000 đồng.

[11] Như vậy, Công ty G phải thanh toán cho Công ty V KN số tiền hàng sau khi trừ đi phần thiệt hại hàng lỗi là: 2.489.640.000 đồng – 618.425.000 đồng = 1.871.215.000 đồng, nên đối với yêu cầu phân tố của bị đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

[12] Về tiền lãi: Xét thấy, Điều 306 của Luật thương mại quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.” Vì vậy, yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về mức lãi suất, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính mức lãi suất là 13.5%/năm, tương đương 1.125%/tháng và 0.0375%/ngày là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay như cấp sơ thẩm đã nhận định, có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Về thời hạn tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày hai bên ký xác nhận công nợ là ngày 20/5/2016 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 29/8/2018 là có cơ sở chấp nhận. Từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 27 tháng 09 ngày, số tiền lãi được tính như sau:

$1.871.215.000 \text{ đồng} \times 27 \text{ tháng} \times 1.125\%/\text{tháng} + 1.871.215.000 \text{ đồng} \times 09 \text{ ngày} \times 0.0375\%/\text{ngày} = 574.696.906 \text{ đồng}.$

[13] Như vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 2.445.911.906 đồng, bao gồm: nợ gốc là 1.871.215.000 đồng đồng và tiền lãi là 574.696.906 đồng.

[14] Từ nhận định trên, hội đồng xét xử, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là không có cơ sở chấp nhận, nghĩ nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn

[15] Những nội dung khác đương sự không kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị nên giữ nguyên án sơ thẩm.

[16] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền thanh toán nên cấp phúc thẩm sửa án phí sơ thẩm; bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 80.918.238 đồng và án phí đối với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận là: 28.737.000 đồng, tổng cộng bị đơn phải chịu 109.655.238 đồng; nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận là 28.737.000 đồng.

[17] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: do chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại G nên không phải chịu án phí, được hoàn lại 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148; Khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại G.

2. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

3. Buộc Công ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Thương mại G phải trả cho Công ty TNHH V KN số số tiền hàng sau khi trừ đi phần thiệt hại hàng lỗi là: $2.489.640.000 \text{ đồng} - 618.425.000 \text{ đồng} = 1.871.215.000$ (một tỷ tám trăm bảy mươi một triệu hai trăm mười lăm ngàn) đồng (nợ gốc), và tiền lãi 574.696.906 (năm trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm lẻ sáu) đồng, tổng cộng Công ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Thương mại G phải trả cho Công ty TNHH V KN 2.445.911.906 (hai tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm mười một ngàn chín trăm lẻ sáu) đồng.

4. Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án; nếu người phải thi hành án chậm thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng, người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

6. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH V KN phải chịu án phí là 28.737.000 (hai mươi tám triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn) đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 42.576.907 (bốn mươi hai triệu năm trăm bảy mươi sáu ngàn chín trăm lẻ bảy) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0001796, ngày 03/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; hoàn lại cho Công ty TNHH V KN 13.839.907 (mười ba triệu tám trăm ba mươi chín ngàn chín trăm lẻ bảy) đồng.

Công ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Thương mại G phải chịu 109.655.238 (một trăm lẻ chín triệu sáu trăm năm mươi lăm ngàn hai trăm ba mươi tám) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.552.750 (hai mươi bốn triệu năm trăm năm mươi hai ngàn bảy trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0029511, ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Thương mại G còn phải nộp 85.102.488 (tám mươi lăm triệu một trăm lẻ hai ngàn bốn trăm tám mươi tám) đồng.

7. Về chi phí giám định: Số tiền là 2.100.000 (hai triệu một trăm ngàn) đồng do bị đơn Công ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Thương mại G phải chịu.

Công ty TNHH V KN đã đóng tạm ứng số tiền, vì vậy Công ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Thương mại G phải trả số tiền nói trên cho Công ty TNHH V KN.

8. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Thương mại G không phải chịu án phí nên được hoàn lại 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai đã nộp số AA/2018/0030274 ngày 10/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao
TP.HCM;
- VKSND cấp cao
TP.HCM;
- VKSND
TP.HCM;
- TAND H.Nhà
Bè;
- Chi cục THADS H.
Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu

Nguyễn Thị Trinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nguyễn Thu Chinh

Hà Thanh Thủy

Nguyễn Thị Trinh